

**Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma**  
**Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA**

**Bài học ngày 9.11.2022**

---

**KHÔNG CÓ THÀNH TỰU CHO KẺ VÔ TÍCH SỰ**  
**Kinh Suvīra (Suvīrasuttam)**

CHƯƠNG XI. TƯƠNG ƯNG SAKKA, PHẨM THỨ NHẤT (S. i, 216)

*Người đời thường mơ ước được giàu có để khỏi phải làm gì. Đức Phật dạy ngay cả vua trời nhiều phước vẫn ca ngợi sự nỗ lực tinh tấn. Ngay cả những ai sống trong giáo pháp được Phật khéo thuyết cũng không có nghĩa là “chuột sa hũ nếp” thì không cần cố gắng gì cũng có thành tựu hay chứng ngộ. Cả hai con đường hạnh phúc thế gian và hạnh phúc xuất thế đều cần sự tinh cần.*



**Kinh Văn**

**Evam me sutam – ekam samayaṃ bhagavā sāvattiyam viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Tatra kho bhagavā bhikkhū āmantesi – “bhikkhavo”ti. “Bhadante”ti te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca –**

Tôi được nghe như vậy,

Một thuở Đức Thế Tôn ngự ở Sāvatti (Xá Vệ), tại Jetavana (Kỳ Viên), ngôi già lam do ông Anāthapiṇḍika dâng cúng.

Bấy giờ Đức Thế Tôn gọi các tỳ khưu:

"- Này Chư Tỳ Khưu". “Dạ. Bạch Thế Tôn”. Chư tỳ khưu lên tiếng trả lời Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn nói như sau:

**“Bhūtapubbam, bhikkhave, asurā deve abhiyaṃsu. Atha kho, bhikkhave, sakko devānamindo suvīram devaputtam āmantesi – ‘ete, tāta suvīra, asurā**

deve abhiyanti. Gaccha, tāta suvīra, asure paccuyyāhī'ti. 'Evaṃ bhaddantavā'ti kho, bhikkhave, suvīro devaputto sakkassa devānamindassa paṭissutvā pamādaṃ āpādesi [āhāresi (katthaci) navaṅguttare sīhanādasuttepi]. Dutiyampi kho, bhikkhave, sakko devānamindo suvīraṃ devaputtaṃ āmantesi – 'ete, tāta suvīra, asurā deve abhiyanti. Gaccha, tāta suvīra, asure paccuyyāhī'ti. 'Evaṃ bhaddantavā'ti kho, bhikkhave, suvīro devaputto sakkassa devānamindassa paṭissutvā dutiyampi pamādaṃ āpādesi. Tatiyampi kho, bhikkhave, sakko devānamindo suvīraṃ devaputtaṃ āmantesi – 'ete, tāta suvīra, asurā deve abhiyanti. Gaccha, tāta suvīra, asure paccuyyāhī'ti. 'Evaṃ bhaddantavā'ti kho, bhikkhave, suvīro devaputto sakkassa devānamindassa paṭissutvā tatiyampi pamādaṃ āpādesi.

-- Này Chư Tỳ Khưu, thưở xưa các asūra (a tu la) tấn công chư thiên. Thiên chủ Sakka gọi thiên tử Suvīra bảo rằng:

" -- Này Suvīra thân yêu, các asūra ấy tấn công chư Thiên. Này Suvīra thân yêu, hãy đi phản công các asūra".

" -- Thừa vâng, Thiên chủ".

Này chư tỳ khưu, Thiên tử Suvīra vâng đáp Thiên chủ Sakka nhưng chênh mảng không chịu làm gì.

Lần thứ hai, Thiên chủ Sakka gọi thiên tử Suvīra bảo rằng:

" -- Này Suvīra thân yêu, các asūra ấy tấn công chư Thiên. Này Suvīra thân yêu, hãy đi phản công các asūra".

" -- Thừa vâng, Thiên chủ".

Này chư tỳ khưu, Thiên tử Suvīra vâng đáp Thiên chủ Sakka nhưng chênh mảng không chịu làm gì.

Lần thứ ba, Thiên chủ Sakka gọi thiên tử Suvīra bảo rằng:

" -- Này Suvīra thân yêu, các asūra ấy tấn công chư Thiên. Này Suvīra thân yêu, hãy đi phản công các asūra".

" -- Thừa vâng, Thiên chủ".

Này chư tỳ khuru, Thiên tử Suvīra vâng đáp Thiên chủ Sakka nhưng chềnh mảng không chịu làm gì.

**Atha kho, bhikkhave, sakko devānamindo suvīraṃ devaputtaṃ gāthāya ajjhabhāsi –**

**“Anuṭṭhahaṃ avāyāmaṃ, sukhaṃ yatrādhigacchati;  
Suvīra tattha gacchāhi, mañca tattheva pāpayā”ti.**

Này chư Tỳ khuru, Thiên chủ Sakka nói với Thiên tử Suvīra bằng kệ ngôn:

“Ở đâu không tinh cần  
Mà vẫn được hạnh phúc  
Thì Suvīra đi  
Dẫn luôn ta theo cùng.

(Suvīra):

**“Alasvassa anuṭṭhātā, na ca kiccāni kāraye;  
Sabbakāmasamiddhassa, taṃ me sakka varaṃ disā”ti.**

“Biếng nhác, không ra sức  
Không chu toàn phận sự  
Mà thoả mãn ước vọng  
Cho con ân huệ đó.

(Sakka):

**“Yatthālaso anuṭṭhātā, accantaṃ sukhamedhati;  
Suvīra tattha gacchāhi, mañca tattheva pāpayā”ti.**

“Ở đâu không siêng năng  
Vẫn hạnh phúc vô tận  
Thì Suvīra đi  
Dẫn luôn ta theo cùng.

(Suvīra):

**“Akammunā devaseṭṭha, sakka vindemu yaṃ sukhaṃ;  
Asokaṃ anupāyāsaṃ, taṃ me sakka varaṃ disā”ti.**

“Thưa Thiên chủ nếu có  
Kẻ biếng nhác hạnh phúc  
Vô sâu và vô ưu  
Cho con ân huệ đó.

(Sakka):

**“Sace atthi akammena, koci kvaci na jīvati;  
Nibbānassa hi so maggo, suvīra tattha gacchāhi;  
Mañca tattheva pāpayā”ti.**

“Nếu có ở nơi nào  
Lười biếng nhưng vẫn tiến  
Sướng như đường niết bàn  
Thì Suvīra đi  
Dẫn luôn ta theo cùng.

**“So hi nāma, bhikkhave, sakko devānamindo sakaṃ puññaphalaṃ  
upajīvamāno devānaṃ tāvatimsānaṃ issariyādhiccaṃ rajjaṃ kārento  
uṭṭhānavīriyassa vaṇṇavādī bhavissati. Idha kho taṃ, bhikkhave, sobhetha,  
yaṃ tumhe evaṃ svākkhāte dhammavinaye pabbajitā samānā uṭṭhaheyyātha  
ghaṭeyyātha vāyameyyātha appattassa pattiyā anadhigatassa adhigamāya,  
asacchikatassa sacchikiriyāyā”ti.**

Này chư tỳ khuru, Thiên chủ Sakka với phước báu đã tạo, trị vì cõi Tam Thập Tam vẫn tán thán sự tinh tấn nỗ lực. Còn nói gì thích đáng hơn là chư tỳ khuru vốn xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết cần tích cực nỗ lực phấn đấu để đạt được những gì chưa đạt, để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ.



**“Anuṭṭhahaṃ avāyāmaṃ, sukhaṃ yatrādhigacchati** = ở đâu mà không ra sức  
tinh cần vẫn được hạnh phúc  
**Suvīra tattha gacchāhi, mañca tattheva pāpayā”ti** = Suvīra hãy đi đến đó và  
mang ta theo với.

“**Alasvassa anuṭṭhātā, na ca kiccāni kāraye** = Nếu kẻ biếng nhác không làm việc, không làm tròn phận sự  
**Sabbakāmasamiddhassa,** = mà có thể thoả mãn mọi ước vọng  
**taṃ me sakka varam disā”ti** = thì xin thiên chủ cho con được ân huệ ấy

“**Yatthālaso anuṭṭhātā, accantaṃ sukhamedhati** = Nơi nào có kẻ vô tích sự mà vẫn sống hạnh phúc bất tận  
**Suvīra tattha gacchāhi, mañca tattheva pāpayā”ti** = Suvīra hãy đi đến đó và mang ta theo với.

“**Akammunā devasetṭha, sakka vindemu yaṃ sukhaṃ** = Thừa Thiên Chủ Sakka, nếu thụ động mà mang lại hạnh phúc  
**Asokaṃ anupāyāsaṃ** = vô sâu, vô ưu  
**taṃ me sakka varam disā”ti** = thì xin thiên chủ cho con được ân huệ ấy

“**Sace atthi akammena, koci kvaci na jīvati** = Nếu có nơi nào mà sống không làm gì cả vẫn không thôi đoạ.  
**Nibbānassa hi so maggo** = vậy đúng (sung sướng như) là đường đến niết bàn!  
**Suvīra tattha gacchāhi, mañca tattheva pāpayā”ti** = Suvīra hãy đi đến đó và mang ta theo với.



### Thích nghĩa

*Tāvatiṃsa là một trong sáu cõi trời Dục Giới. Cõi này cao hơn cõi Tứ Thiên Vương mà thấp hơn của Dạ ma, Đâu Suất, Hoá Lạc và Tha Hoá Tự Tại. Tāvatiṃsa thường được dịch là Tam Thập Tam, âm là Đạo Lợi.*

*Sớ Giải ghi rằng chư thiên Đạo Lợi thường có sự giằng co giao chiến với a tu la thiên. Chư thiên là biểu hiện của ánh sáng, bình an, và hài hoà trong lúc các a tu la thiên là những hung thần với ác niệm, bạo động, đánh đấm.*

*Theo Sớ giải chư thiên được bảo vệ với năm vòng tuyến. Vòng ngoài là do các long vương (nāga) canh gác, kế đến là kim xí điều (supanna), vòng trong nữa là kiến bàn trà (kumbhaṇḍa), dạ xoa (yakkha). Vòng sau cùng bên trong là Tứ Thiên Vương. Khi các a tu la thiên chọc thủng được cả năm phòng tuyến thì Tứ Thiên Vương sẽ trình báo với Thiên chủ Đế Thích. Thiên chủ Sakka có thể đích thân ra trận bằng*

thiên xa. Đôi khi cũng cử những đứa con mình ra trận. Thiên tử Suvīra là một trong những người con của Thiên chủ Sakka.

Theo Sớ Giải sở dĩ Thiên tử Suvīra chệnh mảng phạm sự vì đang vui chơi với các tiên nữ tại Lạc viên Nandana.

Tất cả kệ ngôn của Thiên chủ Sakka đều hàm ý đề cao sự tinh cần nỗ lực. Đối thoại của hai vị thiên mang ngôn phong thường có trong các gia đình: cha mẹ thì trách cứ, con cái lại “trả treo”. Thiên chủ muốn nhấn mạnh ý của mình: Nếu ở chỗ nào mà kẻ vô tích sự có hạnh phúc, có thành tựu, có tiến bộ gì thì con hãy tới đó và dẫn ta theo với. Con của Thiên chủ đáp lại: Nếu kẻ lười biếng mà được vậy thì cha cho con được ân huệ đó đi!!!

Theo Sớ Giải ngữ pháp trong bài kinh có vài chỗ cần được làm rõ nghĩa. (Có lẽ cách dùng ngôn ngữ của chư thiên hơi khác nhân loại?). *alassassa* nên được hiểu là (*alaso+assa*); *sabbakāmasamiddhassa* nên được hiểu là (*sabbakāmehi + samiddho + assa*).

Hai từ *varam disā* phải được hiểu là một thành ngữ trong văn nói. *Varam* là ân huệ, sự đãi ngộ. *Disā* sự ban bố, ban tặng. Hai từ này phải đi chung mới có nghĩa: xin ban cho ân huệ. Ở đây, một lần nữa, là ngôn phong “trả treo”.

Ba câu: *Sace atthi akammena koci kvaci na jīvati nibbānassa hi so maggo* = Nếu có nơi nào mà sống không làm gì cả vẫn không thối đoạ thì đó là đường đến niết bàn. Nên hiểu theo cách nói biếm nhẽ hơn là ý nghĩa thường dùng mặc dù Sớ giải nói câu đó nghĩa là trạng thái niết bàn không tạo nghiệp.

Tỳ khuru Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình

## 1. Suvīrasuttam [Mūla]

247. Evaṃ me sutam – ekaṃ samayaṃ bhagavā sāvattṭhiyaṃ viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Tatra kho bhagavā bhikkhū āmantesi – “bhikkhavo”’ti. “Bhadante”’ti te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca –

“Bhūtapubbam, bhikkhave, asurā deve abhiyaṃsu. Atha kho, bhikkhave, sakko devānamindo suvīraṃ devaputtam āmantesi – ‘ete, tāta suvīra, asurā deve abhiyanti. Gaccha, tāta suvīra, asure paccuyyāhī’ti. ‘Evaṃ bhaddantavā’ti kho, bhikkhave, suvīro devaputto sakkassa devānamindassa paṭissutvā pamādam āpādesi [āharesi

(kathaci) navaṅguttare sīhanādasuttepi]. Dutiyampi kho, bhikkhave, sakko devānamindo suvīraṃ devaputtaṃ āmantesi – ‘ete, tāta suvīra, asurā deve abhiyanti. Gaccha, tāta suvīra, asure paccuyyāhī’ti. ‘Evaṃ bhaddantavā’ti kho, bhikkhave, suvīro devaputto sakkassa devānamindassa paṭissutvā dutiyampi pamādaṃ āpādesi. Tatiyampi kho, bhikkhave, sakko devānamindo suvīraṃ devaputtaṃ āmantesi – ‘ete, tāta suvīra, asurā deve abhiyanti. Gaccha, tāta suvīra, asure paccuyyāhī’ti. ‘Evaṃ bhaddantavā’ti kho, bhikkhave, suvīro devaputto sakkassa devānamindassa paṭissutvā tatiyampi pamādaṃ āpādesi. Atha kho, bhikkhave, sakko devānamindo suvīraṃ devaputtaṃ gāthāya ajjhabhāsi –

“Anuṭṭhahaṃ avāyāmaṃ, sukhaṃ yatrādhigacchati;  
Suvīra tattha gacchāhi, mañca tattheva pāpayā”ti.

“Alasvassa [alasa’ssa (sī. pī.), alasvāyaṃ (syā. kaṃ.)] anuṭṭhātā, na ca kiccāni  
kāraye;  
Sabbakāmasamiddhassa, taṃ me sakka varam disā”ti.

“Yatthālaso anuṭṭhātā, accantaṃ sukhamedhati;  
Suvīra tattha gacchāhi, mañca tattheva pāpayā”ti.

“Akammunā [akammaṇā (sī. pī.)] devasetṭha, sakka vindemu yaṃ sukhaṃ;  
Asokaṃ anupāyāsaṃ, taṃ me sakka varam disā”ti.

“Sace atthi akammena, koci kvaci na jīvati;  
Nibbānassa hi so maggo, suvīra tattha gacchāhi;  
Mañca tattheva pāpayā”ti.

“So hi nāma, bhikkhave, sakko devānamindo sakaṃ puññaphalaṃ upajīvamāno  
devānaṃ tāvatimsānaṃ issariyādhiccaṃ rajjaṃ kārento utṭhānavīriyassa  
vaṇṇavādī bhavissati. Idha kho taṃ, bhikkhave, sobhetha, yaṃ tumhe evaṃ  
svākkhāte dhammavinaye pabbajitā samānā utṭhaheyyātha ghaṭeyyātha  
vāyameyyātha appattassa pattiyā anadhigatassa adhigamāya, asacchikatassa  
sacchikiriyāyā”ti.

## 1. Suvīrasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

247. Sakkasamyuttassa paṭhame **abhiyaṃsūti** kadā abhiyaṃsu? Yadā balavanto  
ahesuṃ, tadā. Tatrāyaṃ anupubbikathā – sakko kira magadharatṭhe macalagāmake  
magho nāma māṇavo hutvā tettiṃsa purise gahetvā kalyāṇakammaṃ karonto satta

vatapadāni pūretvā tattha kālaṅkato devaloke nibbatti. Taṃ balavakammānubhāvena sapaṛisaṃ sesadevatā dasahi t̥hānehi adhigaṇhantaṃ disvā “āgantukadevaputtā āgatā”ti nevāsikā gandhapānaṃ sajjayimsu. Sakko sakapaṛisāya saññaṃ adāsi – “mārisā mā gandhapānaṃ pivittha, pivaṇākāramattameva dassethā”ti. Te tattha akaṃsu. Nevāsikadevatā suvaṇṇasarakehi upanītaṃ gandhapānaṃ yāvadattham pivitvā mattā tattha tattha suvaṇṇapathaviyaṃ patitvā sayimsu. Sakko “gaṇhatha puttahatāya putte”ti te pādesu gahetvā sinerupāde khipāpesi. Sakkassa puññaṭṭejaṇa tadanuvattakāpi sabbe tattheva patimsu. Te sineruvemajjhakāle saññaṃ labhitvā, “tātā na suraṃ pivimha, na suraṃ pivimhā”ti āhaṃsu. Tato paṭṭhāya asurā nāma jātā. Atha nesam kammaṃpaccayautusamuṭṭhānaṃ sinerussa heṭṭhimatale dasayojanasahassaṃ asurabhavanaṃ nibbatti. Sakko tesam nivattetvā anāgamanatthāya ārakkhaṃ t̥hapesi, yaṃ sandhāya vuttaṃ –

“Antarā dvinnaṃ ayujjhapurānaṃ,  
Pañcavidhā t̥hapitā abhirakkhā;  
Udakaṃ karoti-payassa ca hārī,  
Madanayutā caturo ca mahatthā”ti.

Dve nagarāni hi yuddhena gahetuṃ asakkuṇeyyatāya ayujjhapurāni nāma jātāni devanagaraṇca asuranagaraṇca. Yadā hi asurā balavanto honti, atha devehi palāyitvā devanagaraṃ pavisitvā dvāre pidahite asurānaṃ sataṣahassaṃpi kiñci kātuṃ na sakkoti. Yadā devā balavanto honti, athāsurehi palāyitvā asuranagaraṃ dvāre pidahite sakkānaṃ sataṣahassaṃpi kiñci kātuṃ na sakkoti. Iti imāni dve nagarāni ayujjhapurāni nāma. Nesam antarā etesu udakādīsu pañcasu t̥hānesu sakkena ārakkhā t̥hapitā. Tattha **udakasaddena** nāgā gahitā. Te hi udake balavanto honti. Tasmā sinerussa paṭṭhamālinde tesam ārakkhā. **Karoti**saddena supaṇṇā gahitā. Tesam kira karoti nāma pānabhojanaṃ, tena taṃ nāmaṃ labhiṃsu. Dutiyālinde tesam ārakkhā. **Payassahārī**saddena kumbhaṇḍā gahitā. Dānavarakkhasā kira te. Tatiyālinde tesam ārakkhā. **Madanayutasaddena** yakkhā gahitā. Visamacārino kirate yujjhasonḍā. Catutthālinde tesam ārakkhā. **Caturo ca mahantā**ti cattāro mahārājāno vuttā. Pañcamālinde tesam ārakkhā. Tasmā yadi asurā kupitāvilacittā devapuraṃ upayanti yuddhesū, yaṃ girino paṭṭhamaṃ paribhaṇḍaṃ, taṃ uragā paṭibāhanti evaṃ sesesu sesā.

Te pana asurā āyuvaṇṇarasaissariyasampattīhi tāvatimsasadisāva. Tasmā antarā attānaṃ ajānitvā pāṭaliyā pupphitāya, “na idaṃ devanagaraṃ, tattha pāricchattako pupphati, idha pana cittaṃpāṭalī, jarasakkenāmhākaṃ suraṃ pāyevā vañcitā, devanagaraṇca no gahitaṃ, gacchāma tena saddhiṃ yujjhissāmā”ti hatthiassarathe āruyha suvaṇṇarajatamaṇiphalakāni gahetvā, yuddhasajjā hutvā, asurabheriyo vādentā mahāsamudde udakaṃ dvidhā bhettvā utṭhahanti. Te deve vutṭhe



vammikamakkhikā vammikaṃ viya sineruṃ abhiruhitu ārabhanti. Atha nesam paṭhamam nāgehi saddhiṃ yuddham hoti. Tasmim kho pana yuddhe na kassaci chavi vā cammam vā chijjati, na lohitaṃ uppajjati, kevalam kumārakānam dārumenḍakayuddham viya aññamaññaṃ santāsanamattameva hoti. Koṭisatāpi koṭisahassāpi nāgā tehi saddhiṃ yujjhivā te asurapuramyeva pavesetvā nivattanti. Yadā pana asurā balavanto honti, atha nāgā osakkivā dutiye ālinde supaṇṇehi saddhiṃ ekatova hutvā yujjhanti. Esa nayo supaṇṇādīsūpi. Yadā pana tāni pañcapi ṭhānāni asurā maddanti, tadā ekato sampiṇḍitānipi pañca balāni osakkanti. Atha cattāro mahārājāno gantvā sakkassa taṃ pavattiṃ ārocenti. Sakko tesam vacanam sutvā diyaḍḍhayaḥjanasatikam vejyantaratham āruya sayam vā nikkhamati, ekam vā puttaṃ peseti. Imasmim pana kāle puttaṃ pesetukāmo, tāta suvīrātīādīmāha.

**Evam bhaddantavāti khoti** evam hotu bhaddam tava iti kho. **Pamādam āpādesīti** pamādam akāsi. Accharāsaṅghaparivuto satṭhiyojanam vitthārena suvaṇṇamahāvīthim otarivā nakkhattam kīlanto nandanavanādīsū vicaratīti attho.

**Anuṭṭhahanti** anuṭṭhahanto. **Avāyāmantī** avāyamanto. **Alasvassāti** alaso assa. **Na ca kiccāni kārayeti** kiñci kiccaṃ nāma na kareyya. **Sabbakāmasamiddhassāti** sabbakāmehi samiddho assa. **Taṃ me, sakka, varaṃ disāti**, sakka devasetṭha, taṃ me varaṃ uttamaṃ ṭhānam okāsam disam ācikkha kathehīti vadati. **Nibbānassa hi so maggoti** kammaṃ akatvā jīvitatṭhānam nāma nibbānassa maggo. Paṭhamam.